

BÀI KỆ TRONG KINH KIM CANG

Đức Phật đã kệ tụng kinh Kim Cang bằng bốn câu kệ rất sâu sắc như sau:

“Nhất thiết hūy pháp,

Như mạng, huyến, bào, nh,

Như đi c như đi n,

Ng tác nh th quán.”

Dịch nghĩa:

Tất cả pháp hūy vi,

Như mạng, huyến, bất, bóng,

Như sống, như chấp lóe,

Hãy quán chiếu như thế.

Thật vậy, bài kệ không chỉ hay vì ý nghĩa diệu huyển mà còn nổi tiếng bởi văn từ tinh nhã. Thành ra, bên cạnh việc tìm hiểu nghĩa lý đằng ng đằng hành trì, tôi mong men đồo mọt vòng ngang qua văn từ của bài kệ.

Bài kệ được xem như tiếng chuông cảnh tỉnh sự vô thường của các pháp, là dòng chảy của tiếng Phật giáo đời thứ ba, là hình ảnh thơ mộng góp trong nền văn hóa phồn thịnh Đông. Thơ như ng, dĩm khác biệt hơn hết chính là chỗ bài kệ được diễn bày dưới cái nhìn quán chiếu của bậc Đệ giác. Cho nên, để biết được lối vào, hành giới phải đi từ thâm nghiệm từ thân, mới khái niệm ngôn từ cũng chỉ loanh quanh ngoài ngõ. Dù biết vậy, tôi cũng xin bắt đầu từ những gì được học hỏi từ các bậc thầy đi trước, là cánh cửa phồn thịnh ban đầu dành cho hàng sơ cơ.

Bước vào việc nghiên cứu bài kệ, ngay câu đầu tiên, ta phải niệm cho được thế nào là pháp hữu vi? Thì đây, mọi sự mọi việc như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, mặc áo... đều là hữu vi. Đó là nói về bên ngoài. Rồi đến năm uẩn như sắc, thọ, tưởng, hành, thức; bốn đời như đui, nếm, gió, lửa hay sáu căn, sáu trần, mọi hai x, mọi tám giới cũng là pháp hữu vi.

Sẽ nói là pháp hữu vi vì tất cả các pháp này đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Khi nhân duyên hòa hợp gọi là pháp được sinh, khi nhân duyên ly tán gọi là pháp bị diệt.

Pháp hữu vi tuy có một đó nhưng không thật, nên được Phật dạy như là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp loé. Chúng ta, những phàm phu mê đắm tham chấp cho rằng các pháp hữu vi là chân thật nên cứ mãi bị trói buộc luân sanh tử. Được Phật từ bi bày phồn thịnh ra các pháp hữu vi là sinh diệt, vô thường, không thật, giống như mộng, huyễn...

Ô hay, được Phật nói mộng thôi cũng đỡ rồi thì sao Ngài lại nói thêm mộng y thế nào chi vậy? Hay phải có dĩm khác là chỗ này phải không?

Đầu tiên Ngài nói pháp hữu vi như mộng. Chúng ta phải xem nó là không có sự tồn tại, nhưng có thế chấp phải có. Bởi vì trong mộng thấy cảnh nên không thể nói là không, thế là có; nhưng khi tỉnh thức mộng, cảnh liền biến mất thế là không. Cho nên nói là có thế chấp phải có. Vì pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành, nên nó thay đổi theo duyên, thế là nó không cố định như cái gì thật, nên nó là giả, vì là giả nên nó là không, là mộng.

Chữ kệ được dùng trong bài kệ thật đặc. Nó chỉ cho một cõi mê, một số vô thường biến đổi, không chắc thật mà sau này từ một hạnh phúc của nó về một văn học nghệ thuật rất cao. Không riêng gì ở Trung Hoa, khi nói đến những gì từ mê, biến hóa vô thường người ta hay dùng từ mê mà ngay cả Việt Nam từ mê cũng rất phổ biến.

Từ mê đi vào trong văn học, thơ ca, tuồng tích; từ mê đi vào trong dân gian để khi đi đến cái gì không thật là người ta cho đó là mê. Không phải chiêm bao mà có mê mà ngay khi thức vẫn có mê như thơ, ta hay nói rằng hợp đó là “mê mê chiêm bao”.

Hòa thượng Thanh Từ có bài thơ gồm 8 chữ Mê:

“Gá thân mê

Đo cơn mê

Mê tan rồi

Cười vui mê

Ghi lại mê

Nhìn khách mê

Biết đặc mê

Tâm chơn mòng.”

Nhà thơ Tồn Đà có mấy câu thơ “Giấc mòng mõi năm đã tỉnh rồi”, “Nhòng mòng mà thôi mòng mõi rồi”; hay như nói “Đời ngõi như giấc mòng”... há không phải là nhòng mòng tỉnh chơn mòng trong Phật giáo hay sao?

Thật ra, biết nó là mòng, biết nó là mòng nhưng không dè gì chúng ta chấp nhận nó là mòng nếu không thức tỉnh quán chiếu sâu sắc các pháp hữu vi. Bởi lẽ, chúng ta ở trong đời sống si mê lâu lâu rồi nên đâu biết việc đời như mòng, thức xem việc đời quá gần gũi với mình, khi gặp cảnh thuận, cảnh nghịch thì bị dính theo, chấp theo buông nổi.

Vậy tôi nói việc quá khứ là như mòng thì đã đành, còn cảnh quanh quanh xoay xoay mõi, thân mình cảm thọ, mà biết là không thức thì có thức chăng? Chờ ngời ngời ta chấp mình mà biết là cảnh mòng thì chắc là khó chấp nhận. Cho nên Phật mới nói thêm rằng cảnh thuận hay nghịch quanh quanh thân mình cảm thọ thật ra đều như huyễn vậy.

Giá trị ngộ thuật là ở chỗ này. Trong sáu ví dụ, thì ví dụ mòng là tỉnh, còn huyễn, biết, bóng, sáng, chấp là biết, và đều đều tỏ rõ nó như mòng mà thôi. Khi căn tánh thức mõi khi nghe ví dụ như mòng liền có thể hiểu rõ pháp duyên sanh, đời sống thức không. Nhưng vì sao có kẻ chấp hiểu rõ nên Phật nói thêm năm ví dụ nữa là huyễn, biết,....

Theo kinh Phật, huyễn có nghĩa là huyễn thuật mà đời bây giờ gọi là trò ảo thuật. Ngời ta làm trò ảo thuật như biến giấy thành tiền, hay các nhân vật khóc cười trên sân khấu... nó không thức mà chúng ta lầm chấp nó là thức rồi chấp theo buồn vui trong vô kể.

Cho nên, phải biết con người ở đời cũng thế, hết thọ sự gặp gỡ đều là chấp biến hiện cảnh và ngộ thức nghiệp duyên. Thế gian là sân khấu, chúng sanh là nhân vật của vũ trụ. Chúng ta phải đóng trọn vai trò của mình trong mõi thế gian nào đó rồi thôi. Khi hết tuồng, hết màn, trong nháy mắt diên viên không còn là nhân vật nữa. Vậy vậy mà chúng ta thọ ngộ cho đó là thức, rồi mê muội quên mõi “con người ở thế” của mình. Đức Phật thấy rõ đời này nên dạy chúng ta phải biết các pháp hữu vi chỉ là huyễn thuật, không thức thức.

Thí dụ bột cũng vậy. Chúng ta đổ bột bột là do nước bột gió thổi khích động mà thành nên ngấm bong bóng nhúng chìm vào nhau nên rất mong manh, dễ vỡ. Thời gian này cũng vậy. Bối cảnh hóa nên ngấm dầu, hàng hóa biến thành gò núi là minh chứng cho sự sanh diệt đổi thay này.

Đến như bóng, nó giống như có mà thực ra là không, vì bóng chỉ là hình ảnh phản chiếu lại của sự vật. Thân người cũng vậy, hình vẽ người ra có, mà thực ra là không. Như bóng người trong gương, vì gương chiếu thì hiện ra, mà phẩm màu dài ngắn không sai mấy may nào.

Như sương, như chớp loé cũng thế. Buổi sáng sớm, chúng ta còn thấy vài hạt sương long lanh trên đầu lá cây người ta. Nhưng khi mặt trời lên, ánh nắng chiếu xuống thì sương tan không còn nữa. Đến chớp cũng chỉ là hiện tượng thoáng qua, vô thường như vậy. Với ý này, thì nên sống như Hư không có bài kệ:

“Thân như điện ảnh huyễn hoàn vô

Vạn niệm xuân vĩnh thu huyễn vô

Như mộng như ảnh suy vô bất úy

Thân như suy như ảnh theo đuổi phôi.”

Hòa thượng Thích Nhất Hạnh dịch là:

“Thân như bóng chớp chiếu tà

Cư xuân niệm niệm thu qua rỗng rang

Sá chi suy thnh vi c dĩ

Thnh suy nh h t s ng rĩ dĩ u cãnh.”

Nói chung, theo lí Phật dạy, các pháp hữu vi như sắc thân, thọ giĩ, vọng tưởng chĩ là trò o mĩng mà thôi, chúng ta phải quán sáu ví dụ đó để không bị chấp trước hay dính mắc vào một cái gì. Khi đó ta sẽ thấy được bị ràng buộc trĩ cao, tâm vọng của ta bị ràng buộc, bao la như hư không, không bị vướng gì ràng buộc, không gì làm trĩ ngại.

Tuy nhiên, chúng ta phải biết rằng vi c quán chĩ pháp không tưởng tưởng là quán các pháp như như, vì tánh tưởng vọng vốn không. Cho nên, quán duyên sanh liền có thể khéo hợp vào như như bất động và vì vậy, vô vi pháp tánh thể quán hữu vi pháp tưởng như mĩng, như huyễn mà hiện khĩ. Đó cũng chính là nghĩa của Trung đạo vậy.

Tóm lại, qua bốn câu kệ cuối bài kinh ta thấy được Phật đã dùng sáu ví dụ để hình thành rõ các pháp hữu vi là không thật, chỉ là duyên hợp giả có, hữu pháp chấp trước của hàng phàm phu.

như hình ảnh mà được Phật ví dụ trong bài kệ, không như có giá trị vô mĩt nội dung mà còn truy n tĩ nghĩ thu t văn học trong Phật giáo. Khi hành giĩ đi sâu vào quán chiĩu các pháp dĩu hĩ giĩ như sáu ví dụ trên thì hành giĩ không còn khĩ vọng tâm chấp thĩ ngã-pháp hay bị n tưởng nĩ. Và khi các vô minh vọng chấp không còn thì chĩn tâm thanh tĩn hiĩn ra, hay nói cách khác là tánh Kim Cang Bát-nhĩ như như bất động hiĩn ra mà không cĩn phĩ rong ruĩ tìm cĩu nĩ nào hĩt.

(Trích: Bóng Trú Bên Thĩm của Tâm Chĩn, Nhà xuất bản: Văn Hóa Thông Tin)

Tâm Ch n